

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám
Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bảo Ng, sinh năm: 1999 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã K H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã K H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Hải Đ, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã K H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Việt Ng (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã K H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2021, biên bản hòa giải ngày 27/12/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Bảo Ng trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 12 năm 2018 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Trần Hải Đ làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một đứa con nhưng thời gian gần đây vợ

chồng xảy ra nhiều bất đồng; vợ chồng không có sự quan tâm nhường nhịn nhau. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Hải Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Khả V, sinh ngày 09/9/2019 hiện bà đang nuôi. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Gồm 10 chỉ vàng 24K cha mẹ chồng cho trong ngày cưới hiện do ông Đ quản lý và cho ông Trần Việt Ng địa chỉ ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh mượn của vợ chồng bà số tiền 35.000.000 đồng, bà yêu cầu ông Ngoan trả lại số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Ông Đ trình bày số vàng 04 chỉ vàng 24K cho mẹ bà mượn là số vàng riêng không liên quan đến số vàng 10 chỉ mà ông Đ quản lý và số vàng này mẹ bà cũng đã trả cho bà khi con chung số những tháng ông Đ đi làm không gửi tiền về thì bà đã bán để làm chi phí lo cho bà và con; đối với 08 chỉ vàng 18k từ khi ly thân đến nay bà không có việc làm nên bà đã bán để lo cho con. Đối với số tiền ông Ngoan mượn ông Đ cho rằng đã sử dụng hết bà không đồng ý. Bà yêu cầu được nhận 17.500.000 đồng từ ông Đ, số còn lại 5.000.000 đồng ông Ngoan trả cho ông Đ. Ông Đ cho rằng gửi tiền về cho bà từ số tiền cho người khác vay trả là không đúng mà tiền ông Đ gửi về là từ tiền lương của ông Đ đi làm.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu đề ngày 24/02/2022 bà Ng xác định bà thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, phần tài sản chung bà và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2021 bị đơn ông Trần Hải Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống đúng như bà Ng trình bày; về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên ông yêu cầu được hàn gắn, do đó ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Khả V, sinh ngày 09/9/2019 hiện bà Ng đang nuôi. Bà Ng yêu cầu nuôi con ông không đồng ý giao con cho bà Ng nuôi dưỡng, bà Ng yêu cầu cấp dưỡng ông không đồng ý cấp dưỡng. Ông yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đối với 10 chỉ vàng bà Ng trình bày trước đây ông có quản lý nhưng đã cho mẹ vợ là bà Dương Thị Quyên địa chỉ ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh mượn, chỉ còn lại 06 chỉ thì ông đã bán cho người khác vay sau đó họ đã trả cho ông thì ngày 30/4/2021 ông đã đem về đưa cho vợ 15.000.000 đồng, còn 15 triệu đồng khi đi làm sau đó ông có gửi về cho vợ hai lần nữa với số tiền hơn 15.000.000 đồng nên phần 06 chỉ vàng là không còn. Đối với số tiền anh Trần Việt Ng mượn thì anh Ngoan đã trả cho ông được 30.000.000 đồng, chỉ còn nợ 5.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng mà anh Ngoan trả thì ông đã dùng 15.000.000 đồng để bồi thường do ông gây tai nạn cho người khác, còn lại 15.000.000 đồng khi vợ ông bệnh điều trị ở Bệnh viện Cà Mau thì ông đã về chăm sóc, nuôi vợ bệnh đã dùng hết số tiền này nên 30.000.000 đồng ông Ngoan trả cũng không còn để chia. Ngoài ra, khi cưới

bà con có cho vợ chồng một số vàng thì vợ chồng đã bán để mua lại 08 chỉ vàng 18K cho bà Ng đeo. Số vàng này bà Ng quản lý.

Như vậy số tài sản chung của vợ chồng còn là 04 chỉ vàng 24K cho mẹ vợ mượn thì ông yêu cầu bà Quyên trả và 08 chỉ vàng 18k bà Ng quản lý. Ông yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Việt Ng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Ngoan không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng khác chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng khác chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Bảo Ng đối với ông Trần Hải Đ; giao con chung tên Trần Khả V, sinh ngày 09/9/2019 cho bà Nguyễn Bảo Ng tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông Trần Hải Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 750.000 đồng đến 1.000.000 đồng; về tài sản chung: Không xem xét; về nợ chung: Không xem xét; về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Bảo Ng yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hải Đ tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Bảo Ng có đơn xin vắng mặt, ông Trần Hải Đ, ông Trần Việt Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Ng, ông Đ, ông Ngoan theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Bảo Ng và ông Trần Hải Đ làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào tháng 12 năm 2018 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Ng và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Nguyễn Bảo Ng yêu cầu ly hôn với ông Đ vì bà Ng xác định thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân. Tại biên bản hòa giải ông Đ không đồng ý ly hôn với bà Ng nhưng từ khi Tòa án tiến hành hòa giải đến nay thì bà Ng và ông Đ không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà Ng cương quyết ly hôn với ông Đ. Từ đó cho thấy cuộc sống

hôn nhân của bà Ng và ông Đ không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc ly hôn với ông Đ.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Bảo Ng và ông Trần Hải Đ có một con chung tên Trần Khả V, sinh ngày 09/9/2019, hiện sống chung với bà Ng. Xét thấy con chung hiện nay chưa được bảy tuổi, cháu Vy là nữ nên trong cuộc sống cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, đồng thời hiện nay con chung do bà Ng nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Khả V cho bà Nguyễn Bảo Ng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

Bà Nguyễn Bảo Ng yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, ông Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Căn cứ vào điều luật đã viện dẫn Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Ng. Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Bà Ng xác định bà thay đổi yêu cầu đối với tài sản chung, bà và ông Đ sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc ông Đ yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, Tòa án đã thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông Đ và đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông Đ không nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu của ông Đ trong vụ án.

Trường hợp giữa ông Đ và bà Ng có phát sinh tranh chấp thì ông Đ có quyền yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà Ng và ông Đ xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Bảo Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Bảo Ng. Bà Nguyễn Bảo Ng được ly hôn với ông Trần Hải Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Khả V, sinh ngày 09/9/2019 cho bà Nguyễn Bảo Ng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Hải Đ không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Hải Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Khả V, sinh ngày 09/9/2019 mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/4/2022) đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

Đối với khoản tiền phải cấp dưỡng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Bảo Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Nguyễn Bảo Ng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.389.000 (một triệu ba trăm tám mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010131 ngày 03/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ. Bà Ng được nhận lại lại 1.089.000 (một triệu không trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

Ông Trần Hải Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi

